

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HS-ST
Ngày: 06-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ La Văn Q1, sinh ngày 01/01/1974 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn V (chết) và bà Châu Thị H3 (chết); Có vợ (là bị cáo trong cùng vụ án) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Không; bắt tạm giam: 27/7/2021; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/01/1977 tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Phạm Thị N; Có chồng (là bị cáo

trong cùng vụ án) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Đặng Văn K, sinh năm 1985; Nơi cư trú: xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2/ Hồ Văn Bé C, sinh năm 1984; Nơi cư trú: thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

Người làm chứng:

1/ Lâm Nhựt H1, sinh năm 2002; (Có mặt)

2/ Huỳnh Thị H2, sinh năm 1957; (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhằm đảm bảo hiện trạng và ngăn chặn các hành vi xâm phạm đất công (bãi bồi) trên địa bàn thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, Ủy ban nhân dân thị trấn TTT ban hành quyết định thành lập tổ quản lý, đo đạc đất công và xây dựng kế hoạch để kiểm tra, ngăn chặn và xử lý các trường hợp lấn, chiếm đất công trên địa bàn. Đến 13 giờ 30 phút ngày 26/7/2021, tổ công tác thực hiện kế hoạch công tác đo đất tại phần đất mà hộ ông La Văn Q1 đang canh tác trồng bắp (ngô) tại khóm T2, thị trấn TTT để xác định diện tích chiếm đất công của hộ ông La Văn Q1. Lúc này, khoảng 14 giờ 05 phút cùng ngày khi anh Đặng Văn K là công chức địa chính đang thực hiện nhiệm vụ đóng cọc tre, giăng dây giới hạn diện tích phần đất bị lấn, chiếm thì Nguyễn Thị D dùng tay giật lấy cây tre anh K đang đóng; đồng thời lúc này La Văn Q1 có hành vi dùng tay xô đẩy làm anh K té ngã ngựa xuống đất, thấy vậy lực lượng công an thị trấn TTT đến hỗ trợ K, đồng chí Nguyễn Văn T1 là Trưởng Công an thị trấn TTT chỉ đạo đồng chí Hồ Văn Bé C và Nguyễn Văn Dương T2 tiến hành khống chế bắt giữ Q1, trong lúc giăng co, Q1 đã giật đứt 2 cút áo số 01, 02 của C. Khi Q1 bị lực lượng khống chế, D chạy đến ngăn cản không cho bắt Q1. Đồng chí T1 khống chế quặt ngã D

thì bị Lâm Nhựt H1 xông vào xô ngã T1 khi đang khống chế bắt giữ D, khi được giải vây cùng lúc này lực lượng còn đang khống chế bắt giữ Q1 thì D sau khi được giải vây cùng với bà Huỳnh Thị H2 xô đẩy gỡ tay lực lượng Công an cho Q1 và D tẩu thoát khỏi hiện trường. Sau đó, anh K đến Cơ quan điều tra tố giác hành vi của Q1 và D. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng Ngự tiến hành thụ lý xác minh điều tra theo thẩm quyền.

Ngoài ra, khi Q1 và D thực hiện hành vi chống người thi hành công vụ thì còn có các đối tượng Sa Thị N, Lâm Văn T3, Huỳnh Thị Q2, Nguyễn Thị L có hành vi dùng điện thoại ghi hình và có những lời lẽ xuyên tạc, xúc phạm lãnh đạo chính quyền địa phương và lực lượng làm nhiệm vụ.

Tang vật thu giữ:

- 01 (một) thanh tre dài 1,27 m rộng 0,04m dày 0,013m một đầu vót nhọn có bám nhiều đất.
- 01 (một) cái áo vải, loại áo đồng phục công an viên bán chuyên trách, bị đứt hai cúc áo số 01, 02 từ trên xuống, đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO F11 Pro, màu xanh, đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu đen, đã qua sử dụng.
- 01 (một) đĩa CD nhãn hiệu Maxell, CD-R80MQ màu vàng, ký hiệu “1 Bửu”.
- 01 (một) đĩa CD nhãn hiệu Maxell, CD-R80MQ màu vàng, ký hiệu “2 Hợp”.
- 01 (một) đĩa CD nhãn hiệu Maxell, CD-R80MQ màu vàng, ký hiệu “3 Thanh”.

Tại Cáo trạng số 49/CT-VKSHN ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp truy tố các bị cáo La Văn Q1, Nguyễn Thị D về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự.

Tại phần luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình điều tra các bị cáo La Văn Q1, Nguyễn Thị D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai các bị cáo phù hợp với người có liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có; Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Q1 là: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải; có cha, chú là người có công cách mạng; Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo D là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Kiểm sát viên đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 330; Điều 17; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo La Văn Q1 từ 06 tháng đến 07 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 330; Điều 17; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là từ 12 tháng đến 14 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Không phát sinh, nên không đề cập đến.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự tuyên: Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (một) thanh tre dài 1,27 m rộng 0,04m, dày 0,013m một đầu vót nhọn có bám đất, không giá trị sử dụng. Trả lại cho Hồ Văn Bé C 01 (một) cái áo vải, loại áo đồng phục công an viên bán chuyên trách, bị đứt hai cúc áo số 01, 02 từ trên xuống đã qua sử dụng. Trả lại cho Nguyễn Thị D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 Pro, màu xanh, đã qua sử dụng, đã niêm phong trong túi niêm phong mã số NS3A100172 không liên quan đến vụ án. Trả lại cho Lâm Văn T3 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu đen, đã qua sử dụng đã niêm phong trong túi niêm phong mã số NS3A100171 không liên quan đến vụ án. Tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án: 01 (một) đĩa CD nhãn hiệu Maxell, CD-R80MQ màu vàng, ký hiệu “1 Bửu”; 01 (một) đĩa CD nhãn hiệu Maxell, CD-R80MQ màu vàng, ký hiệu “2 Hợp”; 01 (một) đĩa CD nhãn hiệu Maxell, CD-R80MQ màu vàng, ký hiệu “3 Thanh”; Đã được niêm phong mã số 2030289; 2030286; 2030291.

Tại phiên tòa, bị cáo La Văn Q1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã ăn năn hối cải, xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị D thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và chồng của bị cáo cho cả hai được hưởng án treo, vì bị cáo bị bệnh không ai chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, nội dung của cáo trạng, lời khai của người liên quan, người làm chứng và được chứng minh bởi các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án được đánh giá tại phiên tòa hôm nay như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản kiểm tra tang vật. Lời trình bày của các bị cáo trước phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các bị cáo biết các anh công chức thị trấn TTT đang thực hiện công vụ được giao, nhưng các bị cáo không chấp hành mà còn có hành vi dùng tay giật lấy thanh tre đóng cọc giăng dây xác định ranh giới đất, xô anh K té ngã xuống đất, giật đứt cúc áo anh Chín, dùng điện thoại quay phim và có lời lẽ xúc phạm đến lực lượng làm nhiệm vụ nhằm cản trở lực lượng địa chính và Công an viên thị trấn TTT đang thực hiện nhiệm vụ. Cho nên, đã đủ căn cứ để kết luận các bị cáo La Văn Q1, Nguyễn Thị D đồng phạm tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tội “Chống người thi hành công vụ” được quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự, như sau:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo: Khi công chức địa chính và Công an viên thị trấn TTT đang thực thi công vụ, các bị cáo không chấp hành mà lại chống đối đến cùng với những người đang thi hành công vụ, chẳng những gây mất trật tự xã hội còn làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước. Tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Do vậy cần thiết áp dụng khoản 1, Điều 330 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc thì mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Việc Tòa án đưa vụ án này ra xét xử là cần thiết, nhằm mục đích tuyên truyền pháp luật đến mọi người để cảnh báo, răn đe và phòng ngừa chung cho những ai có ý nghĩ thực hiện hành vi phạm tội như các bị cáo, đồng thời cũng thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5] Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện tội phạm dưới hình thức đồng phạm nhưng thuộc dạng đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có bàn bạc, phân công với nhau để thực hiện tội phạm, nên vai trò thực hiện tội phạm của từng bị cáo là như nhau.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo La Văn Q1 thật thà khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có cha, chú là người có công cách mạng; nhân thân của bị cáo là thành phần nhân dân lao động; Đối với bị cáo Nguyễn Thị D là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; nhân thân của bị cáo là thành phần nhân dân lao động, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Vì vậy, áp dụng các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo lúc lượng hình, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[8] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải có mức hình phạt tương ứng, cách ly bị cáo La Văn Q1 ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội nên không chấp nhận yêu cầu được

hưởng án treo của bị cáo. Tuy nhiên, do các bị cáo La Văn Q1, Nguyễn Thị D là vợ chồng và còn có con nhỏ, bị cáo D có nơi cư trú rõ ràng, nhận thức pháp luật có hạn chế nên xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo D ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để giúp cho bị cáo trở thành một công dân tốt có ích cho gia đình và cho xã hội.

[9] Đối với Lâm Nhựt H1 và Huỳnh Thị H2 có tham gia ngăn cản xô lực lượng làm nhiệm vụ nhưng xét thấy việc thực hiện hành vi chỉ nhất thời không có chủ đích trước. H1 hiện là sinh viên đang học đại học, bà H2 là người cao tuổi, về nhân thân cả hai chưa có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra thừa nhận hành vi của mình, xét thấy không cần phải xử lý hình sự, Cơ quan điều tra chuyển Cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính theo quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến trách nhiệm hình sự.

[10] Đối với Sa Thị N, Lâm Văn T3, Huỳnh Thị Q2, Nguyễn Thị L có hành vi dùng điện thoại ghi hình và có những lời lẽ xuyên tạc, xúc phạm lãnh đạo chính quyền địa phương và lực lượng làm nhiệm vụ phát trực tiếp trên mạng xã hội hiện cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý theo quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét trong vụ án này.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Không phát sinh nên không đề cập đến.

[12] Về xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm: Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên chấp nhận.

[13] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo La Văn Q1 và Nguyễn Thị D đồng phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 330, Điều 17, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo La Văn Q1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/7/2021.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 330, Điều 17, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 52, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/9/2021).

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Thị D cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp đang trong thời gian thử thách mà bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội mới, thì Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị D thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự”.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các khoản 2, 3 Điều 106, khoản 2 Điều 107 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu tiêu hủy tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (một) thanh tre dài 1,27 m rộng 0,04m, dày 0,013m một đầu vót nhọn có bám đất, không giá trị sử dụng.

4.2. Trả lại cho Hồ Văn Bé C: 01 (một) cái áo vải, loại áo đồng phục công an viên bán chuyên trách, bị đứt hai cúc áo số 01, 02 từ trên xuống đã qua sử dụng.

4.3. Trả lại cho Nguyễn Thị D: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 Pro, màu xanh, đã qua sử dụng, đã niêm phong trong túi niêm phong mã số NS3A100172.

4.4. Trả lại cho Lâm Văn T3: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu đen, đã qua sử dụng đã niêm phong trong túi niêm phong mã số NS3A100171.

Những vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản.

4.5. Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) đĩa CD nhãn hiệu Maxell, CD-R80MQ màu vàng, ký hiệu “1 Bửu”; 01 (một) đĩa CD nhãn hiệu Maxell, CD-R80MQ màu vàng, ký hiệu “2 Hợp”; 01 (một) đĩa CD nhãn hiệu Maxell, CD-R80MQ màu vàng, ký hiệu “3 Thanh”; Đã được niêm phong mã số 2030289; 2030286; 2030291.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/9/2021).

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Cơ quan CSĐT công an huyện Hồng Ngự;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng